

Số: /QĐ-UBND

Châu Thành A, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (theo mô hình xây dựng nông thôn mới nâng cao của Chính phủ)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng, quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1604/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch UBND huyện Châu Thành A về việc chủ trương đầu tư thực hiện lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (theo mô hình xây dựng nông thôn mới nâng cao của Chính phủ);

Căn cứ Quyết định số 4512/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện Châu Thành A về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây

dựng trung tâm xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (theo mô hình xây dựng nông thôn mới nâng cao của Chính phủ);

Căn cứ Quyết định số 1729/QĐ-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2024 của UBND huyện Châu Thành A về việc phê duyệt đề án quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (theo mô hình xây dựng nông thôn mới nâng cao của Chính phủ) đến năm 2035;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Châu Thành A tại Tờ trình số 114/TTr-KT&HT ngày 07 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (theo mô hình xây dựng nông thôn mới nâng cao của Chính phủ), với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tên đề án quy hoạch

Quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (theo mô hình xây dựng nông thôn mới nâng cao của Chính phủ).

2. Phạm vi, quy mô lập quy hoạch

- Phạm vi: Khu vực lập Quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (theo mô hình xây dựng nông thôn mới nâng cao của Chính phủ), có tứ cận tiếp giáp cụ thể như sau:

- + Phía Đông Bắc: Giáp đất dân.
- + Phía Đông Nam: Giáp đất dân.
- + Phía Tây Bắc: Giáp kênh xáng Xà No.
- + Phía Tây Nam: Giáp kênh Ba Ngàn.
- Quy mô diện tích: khoảng 20,0 ha.
- Quy mô dân số: khoảng 2.000 người.

3. Mục tiêu, tính chất

a. Mục tiêu

- Khu vực quy hoạch mang tính chất xây dựng Khu Trung tâm hành chính xã với nhiều chức năng như: Đất ở, đất thương mại dịch vụ, đất giáo dục, đất y tế, đất hành chính công cộng, Công viên cây xanh - mặt nước..., Khi được hình thành đây sẽ là động lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương làm tiền đề cho tiến trình đầu tư hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội huyện Châu Thành A.

- Định hướng xây dựng thành khu Trung tâm đô thị của xã theo hướng hiện đại, hài hòa với tổng thể chung của toàn huyện và phát triển một cách khách quan, bền vững, khả thi. Đồng thời, làm cơ sở để quản lý sử dụng đất đai, quản lý dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch.

- Cụ thể hóa định hướng của đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (theo mô hình nông thôn mới của Chính phủ) đến năm 2035.

b. Tính chất: Là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, y tế, giáo dục, dịch vụ và khu ở tập trung của xã.

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

a. Quy hoạch sử dụng đất

Diện tích toàn khu quy hoạch khoảng 200.434,70m² (khoảng 20,0ha), dự kiến tổ chức các hạng mục sử dụng đất chính:

+ Trụ sở làm việc của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Đảng ủy, công an, xã đội, các đoàn thể;

+ Các công trình công cộng cấp xã: Nhà văn hóa, câu lạc bộ, nhà truyền thống, thư viện, trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trạm y tế xã, trung tâm văn hóa, sân thể thao, chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, điểm phục vụ bưu chính viễn thông;

+ Khu đất xây dựng nhà ở;

+ Giao thông và hạ tầng kỹ thuật;

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	DIỆN TÍCH (m ²)	TỶ LỆ (%)
1	Đất công trình trụ sở cơ quan	3.334,80	1,66
1.1	UBND xã	3.334,80	
2	Đất ở	73.186,90	36,51
2.1	Đất ở mới	59.082,73	
2.2	Đất ở cải tạo chỉnh trang	14.104,17	7,04
3	Đất công cộng	20.041,06	10,00
3.1	Giáo dục	14.802,78	
	a. Trường mầm non	2.962,05	
	b. Trường trung học cơ sở	11.840,73	
3.2	Y tế	3.178,71	
	Trạm y tế xã	3.178,71	
3.3	Văn hóa, thể thao công cộng	1.558,96	
	a. Nhà văn hóa	1.558,96	
	b. Phòng truyền thống		
	c. Thư viện		
	d. Hội trường		
3.4	Điểm phục vụ bưu chính viễn thông	500,61	
4	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	21.124,40	10,54

4.1	<i>Cây xanh, vườn hoa công cộng</i>	15.310,65	
4.2	<i>Cây xanh chuyên dụng</i>	673,87	
4.3	<i>Cụm công trình, sân bãi thể thao</i>	5.139,88	
5	Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật	71.835,36	35,84
5.1	<i>Đất giao thông</i>	65.825,02	
5.2	<i>Đất trạm cấp nước</i>	699,19	
5.3	<i>Đất trạm xử lý nước thải</i>	1.508,12	
5.4	<i>Đất xử lý chất thải rắn (trạm trung chuyển CTR)</i>	1.552,00	
5.5	<i>Đất bãi xe (nhiều tầng)</i>	2.251,03	
6	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	6.339,95	3,16
7	Đất quốc phòng an ninh	2.205,75	1,10
7.1	<i>Xã đội (Ban chỉ huy quân sự)</i>	1.085,61	
7.2	Công an xã	1.120,14	
8	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối và mặt nước	2.366,48	1,18
Cộng		200.434,70	100,00

b. Các chỉ tiêu sử dụng

- *Đất công trình trụ sở cơ quan:*

- + Mật độ xây dựng: 40%.
- + Chiều cao xây dựng tối đa: 03 tầng.
- + Chỉ giới xây dựng: $\geq 4\text{m}$ so với chỉ giới đường đỏ.

- *Đất ở:*

- + Mật độ xây dựng gộp tối đa: 60%.
- + Mật độ xây dựng thuần tối đa: 100%.
- + Chiều cao xây dựng tối đa: 04 tầng.
- + Chỉ giới xây dựng: xác định theo QCVN 01:2021/BXD và trục đường trong bản đồ quy hoạch chỉ giới xây dựng.

- *Đất công trình công cộng:*

- + Mật độ xây dựng: 40%.
- + Chiều cao xây dựng tối đa: 03 tầng.
- + Chỉ giới xây dựng: $\geq 4\text{m}$ so với chỉ giới đường đỏ.

- *Đất hỗn hợp:*

- + Mật độ xây dựng, mật độ cây xanh tuân thủ theo quy định QCVN 01:2021/BXD.

- + Chiều cao xây dựng tối đa: 09 tầng.
- + Chỉ giới xây dựng: $\geq 4\text{m}$ so với chỉ giới đường đỏ.
- *Đất cây xanh:*

- + Mật độ xây dựng: 5 %.
- + Chiều cao xây dựng tối đa: 02 tầng.
- + Chỉ giới xây dựng: xác định theo QCVN 01:BXD/2021 và trục đường trong bản đồ quy hoạch chỉ giới xây dựng.

- Đất hạ tầng kỹ thuật:

Các chỉ tiêu xây dựng được xác định theo từng loại công trình theo tiêu chuẩn quy chuẩn xây dựng QCVN 01:2021/BXD hiện hành.

5. Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan

- Tuyến đường tỉnh 931B được xem là giao thông đối ngoại quan trọng đi qua trung tâm xã được quy hoạch với lộ giới 13m (3 - 7 - 3), tổng lộ giới 35m (theo quy hoạch ngành giao thông). Đây cũng là tuyến đường chính của trung tâm xã. Vì vậy, khi quy hoạch xây dựng cần lưu ý đến yếu tố tạo cảnh quan cho tuyến đường, các công trình xây dựng phải có kiến trúc đẹp, hài hòa với các công trình lân cận.

- Tuyến đường Hương lộ 12 cặp Kênh Xáng Xà No nối liền trung tâm xã với trung tâm huyện Châu thành A (thị trấn Một Ngàn) và thị trấn Bảy Ngàn đi qua trung tâm xã được quy hoạch với lộ giới 17m (3 - 6 - 8). Vì vậy, khi quy hoạch xây dựng cần lưu ý đến yếu tố tạo cảnh quan cho tuyến đường, các công trình xây dựng phải có kiến trúc đẹp, hài hòa với các công trình lân cận.

- Khu thương mại - dịch vụ (khu dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) sẽ được quy hoạch tại trung tâm xã để việc giao thông thủy (kênh Xáng Xà No) và giao thông bộ (đường tỉnh 931B) để người dân có thể thuận tiện cho việc mua bán trao đổi hàng hóa thuận tiện. Ngoài ra, sẽ quy hoạch mở rộng phát triển các khu đô thị mới ở phía Tây kênh thủy lợi nhằm tạo cơ cấu tổ chức không gian cảnh quan mang lại hiệu quả.

- Khai thác tốt các yếu tố tự nhiên (giao thông thủy, bộ, mặt nước, cây xanh,...) tạo cảnh quan và kiến tạo một khu trung tâm xã với những khu ở có cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh, nhằm tạo môi trường sống tiện nghi, thông thoáng hơn.

- Không gian thông thoáng mở rộng có hệ thống cây xanh hài hoà với các khu hành chính và nhà ở, đảm bảo vẻ mỹ quan cho toàn khu quy hoạch.

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng xã hội

Cập nhật, điều chỉnh lại vị trí các công trình công cộng so với quy hoạch được duyệt trước đây, đề xuất một số vị trí mới phù hợp cho sự phát triển của trung tâm xã đồng thời bổ sung thêm các công trình công cộng, dịch vụ phục vụ cho người dân.

7. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

a. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất

- Cao độ san lấp: $\geq +1,8\text{m}$ (hệ cao độ Quốc gia).
- Cao độ xây dựng: $H_{xd} \geq +2,20\text{ m}$ (hệ cao độ Quốc gia).

b. Quy hoạch giao thông

- Giao thông đối ngoại

Mạng lưới giao thông đối ngoại của khu đất quy hoạch là các trục đường đi qua khu đất bao gồm: Đường Tỉnh lộ 931B xuyên qua khu quy hoạch, kết nối với các tuyến đường huyện.

- Giao thông đối nội

+ Các trục giao thông nội bộ được tổ chức giao nhau và vuông góc với nhau.

+ Các tuyến đường nội bộ theo nguyên tắc không giao cắt trực tiếp với các trục đường đô thị hay đường khu vực mà chỉ tiếp cận theo một chiều nhằm đảm bảo giao thông thông suốt và an toàn.

Bảng thống kê tên đường và lộ giới

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐIỂM ĐỊNH VỊ		CHIỀU DÀI (m)	LỘ GIỚI (m)	VỈA HÈ TRÁI (m)	LÒNG ĐƯỜNG (m)
		ĐIỂM ĐẦU	ĐIỂM CUỐI				
I	ĐƯỜNG GIAO THÔNG ĐỐI NGOẠI						
1	ĐƯỜNG TỈNH 931B	1A	10A	744,00	35,00	7,00	21,00
II	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ						
1	ĐƯỜNG SỐ 1	1A	1B	272,50	13,00	3,00	7,00
2	ĐƯỜNG SỐ 2	2A	2B	202,50	13,00	3,00	7,00
3	ĐƯỜNG SỐ 3	2B	3A	239,00	13,00	3,00	7,00
4	ĐƯỜNG SỐ 4	4A	4B	113,00	13,00	3,00	7,00
5	ĐƯỜNG SỐ 5	5A	5B	238,00	24,00	5,00	14,00
6	ĐƯỜNG SỐ 6	6A	6B	112,00	17,00	5,00	7,00
7	ĐƯỜNG SỐ 7	7A	7B	373,40	17,00	5,00	7,00
8	ĐƯỜNG SỐ 8	8A	8B	124,00	13,00	3,00	7,00
9	ĐƯỜNG SỐ 9	9A	9B	231,50	13,00	3,00	7,00
10	ĐƯỜNG SỐ 10	10A	10B	368,50	13,00	3,00	7,00
12	HƯỚNG LỘ 12	11A	11B	681,70	10,00	0,00	7,00

c. Định hướng Quy hoạch hệ thống cấp điện

- Nguồn điện:

+ Giữ lại các tuyến đường dây hạ thế hiện trạng sử dụng cáp vặn xoắn không ảnh hưởng đến quy hoạch.

+ Do nhu cầu sử dụng điện sinh hoạt của các hộ dân và tính thẩm mỹ chỉnh trang đô thị nên cần xây dựng mới các tuyến đường dây hạ áp 0,4kV phục vụ các hộ tiêu thụ mới sau khi quy hoạch.

- Lưới điện:

+ Tuyến hạ áp:

Đường dây hạ áp được thiết kế trên không bố trí đi dọc vỉa hè các trục lộ giao thông. Hình thức đường dây 3 pha, 1 mạch.

Trụ điện loại Bê tông ly tâm, chiều dài 8,5m, khoảng cách trụ từ 20-35m.

Dây dẫn bằng cáp vặn xoắn ABC, cách điện bằng kẹp treo ACB. Tiết diện dây dẫn đảm bảo phù hợp với phụ tải sử dụng.

Kết cấu lưới 0,4KV theo mạng hình tia. Bán kính phục vụ đảm bảo < 400m cho khu vực mật độ cao và < 800m cho các khu vực mật độ thấp.

+ Trạm biến thế 22/0,4KV:

Trạm biến áp ưu tiên sử dụng loại 3 pha 22/0,4kV ngâm trong dầu làm mát tự nhiên có nấc điều chỉnh điện áp không tải + 2x2,5%, lắp các FCO hoặc LBFCO, chỉ tại mỗi trạm.

Tổng công suất lắp đặt: 1.195kVA (02 trạm 1x560KVA + 1 trạm 3x25KVA) với công suất tính toán là 1.035KW

+ Tuyến chiếu sáng:

Tuyến chiếu sáng được xây mới bằng trụ bát giác STK, sử dụng đèn Led có công suất từ 75W - 150W, độ rọi trung bình 39lux với khoảng cách từ 25-35m, tùy theo từng loại đường từng khu vực mà bố trí cho phù hợp.

Cần đèn bằng thép mạ kẽm nhúng nóng được lắp trên các trụ hạ áp, bổ sung thêm các trụ Bê tông ly tâm để bảo đảm khoảng cách đèn chiếu sáng từ 20 -30m. Sử dụng các bộ đèn chiếu sáng loại tiết kiệm năng lượng (sử dụng đèn Led) 220V có công suất từ 75-150W.

d. Định hướng quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc

Nguồn cấp: Hệ thống cáp truyền dẫn từ tổng đài (trạm đầu cuối) khu vực đến các tủ phân phối thông tin liên lạc (TTLL) đặt tại các khu vực phù hợp với quy hoạch kiến trúc và số lượng các thuê bao khu dân cư...

Mạng lưới thông tin liên lạc: mạng thông tin khu vực nghiên cứu trong giao đoạn tới sẽ được tổ chức thành các hệ thống riêng trên cơ sở hệ thống hiện hữu. Đảm nhiệm chức năng thoại, truyền hình, truyền số liệu và truy nhập Internet, mạng truyền hình.

Mạng truy cập Internet: phát triển chủ yếu theo công nghệ mới và công nghệ kết nối vô tuyến băng thông rộng với tốc độ truyền dữ liệu cao, khu vực phủ sóng rộng, khả năng bảo mật cao.

e. Quy hoạch cấp nước

- Nguồn cấp nước: Nước cấp cho trung tâm xã đầu nối với đường ống cấp nước trên đường tỉnh 931B.

- Hình thức bố trí: Mạng lưới cấp nước là mạng lưới vòng kết hợp mạng nhánh. Được bố trí dưới lòng đường giao thông trong khu quy hoạch.

- Hệ thống tuyến ống cấp nước chính có đường kính từ Ø200 đến Ø63.

- Ngoài ra trên mạng cấp nước có bố trí các trụ chữa cháy DN100 (khoảng

cách giữa các trụ không quá 150m). Trụ chữa cháy được bố trí ở nơi thuận tiện cho việc lấy nước chữa cháy.

f. Quy hoạch thoát nước mặt

- Hệ thống thoát nước mưa là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn.
- Tận dụng các khoảng mặt nước như hồ hiện hữu, hồ quy hoạch, thảm thực vật, bề mặt phi xây dựng để giữ nước và làm giảm dòng chảy bề mặt kết hợp các công trình công thoát nước đô thị thông thường.

- Dùng phương pháp phân chia lưu vực để tính toán cho từng đoạn cống, từng tuyến cống và cả hệ thống.

- Hình thức thoát nước: nước thải được vận chuyển trong hệ thống ống kín, bố trí dọc dưới vỉa hè. Đường kính cống thoát nước D400-D800.

- Trên từng tuyến ống có đặt những hố ga nhằm thu hết nước bề mặt và nước trong lưu vực tính toán, khoảng cách hố ga 20m-30m.

g. Quy hoạch thoát nước thải

- Hệ thống thoát nước sinh hoạt là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn.
- Xây dựng mới các tuyến cống thoát nước thải dọc các tuyến đường giao thông trong khu quy hoạch.

- Nước thải từ các điểm xả nước xả vào hệ thống thoát nước. Nước thải tại các khu vệ sinh phải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại mới được xả vào hệ thống thoát nước sinh hoạt. Tuyến thu gom nước thải uPVC D168. Sau đó tự chảy về trạm xử lý nước thải cục bộ đặt trong khu quy hoạch bằng cống BTCT D300.

- Nước thải tại các công trình phải được xử lý cục bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn theo tiêu chuẩn trước khi xả ra hệ thống thoát nước bản của khu vực.

- Trên từng tuyến ống có đặt những hố ga tại những vị trí tuyến cống đổi hướng, vị trí chờ đầu nối thoát nước,... khoảng cách hố ga 20m-30m.

8. Đánh giá tác động môi trường chiến lược

- Quá trình triển khai thực hiện quy hoạch, các dự án theo quy hoạch phải tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan; thực hiện các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường, xây dựng huyện văn minh hiện đại, phát triển bền vững.

- Chương trình quản lý và giám sát môi trường của từng dự án do chủ đầu tư thực hiện, kết hợp với sự kiểm tra, giám sát của cơ quan chức năng.

- Xây dựng hệ thống giám sát môi trường và phân tích đánh giá khách quan, hiệu quả môi trường. Vị trí của các trạm giám sát có thể thay đổi phù hợp với kế hoạch triển khai hệ thống quan trắc môi trường.

9. Các dự án ưu tiên đầu tư

a. Giai đoạn ngắn hạn 2025 - 2030

Hoàn thiện, bổ sung, xây dựng mới các khu chức năng của xã chuẩn bị điều

kiện cho việc đầu tư xây dựng xã theo tiêu chí nông thôn mới thời kỳ 2021 - 2025 trong giai đoạn đầu đến năm 2030.

Tập trung đầu tư mở rộng đường tỉnh 931B và Hương lộ 12, kết nối trung tâm xã với trung tâm thị trấn Một Ngàn và thị trấn 7000.

Kêu gọi đầu tư xây dựng khu dân cư và Khu dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn trên trục đường tỉnh 931B.

b. Dự kiến sơ bộ nhu cầu vốn và các nguồn lực thực hiện

Nguồn vốn thực hiện theo ngân sách nhà nước và vốn đầu tư hợp pháp khác, giá trị thực hiện được cụ thể trong từng dự án triển khai, tại thời điểm thực hiện dự án.

Điều 2. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện; Thủ trưởng các phòng, ban, ngành huyện có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng tỉnh;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, NCTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Nhân